

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HÀNH DỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /UBND

Hành Dững, ngày 14 tháng 3 năm 2025

V/v xác nhận năm xây dựng nhà  
cửa,vật kiến trúc; xác nhận công  
trình phục vụ đời sống (hoặc sản  
xuất) và năm mai táng mồ mả

Kính gửi: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Công văn số 41/TTPTQĐ-BTGPMB-ĐĐ&ĐGD ngày 05/3/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi về việc xác nhận năm xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, xác nhận một số công trình phục vụ đời sống (hoặc sản xuất) và năm mai tang mồ mả của các hộ đình, cá nhân thuộc phạm vi bị ảnh hưởng bởi Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi- Hoài Nhơn thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn xã Hành Dững, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

UBND xã Hành Dững có ý kiến như sau:

| STT | Họ tên chủ hộ                   | Nhà cửa, vật kiến trúc                                                                          |           |         |           |          | Năm xây dựng (hộ dân kê khai) | Vị trí xây dựng (hộ dân kê khai) | Ghi chú          |
|-----|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|-----------|----------|-------------------------------|----------------------------------|------------------|
|     |                                 | Hạng mục công trình                                                                             | Tờ bản đồ | Số thửa | Diện tích | Loại đất |                               |                                  |                  |
| 1   | Ông Phan Danh và bà Trần Thị Lệ |                                                                                                 | 2         | 92      | 1225.3    | ONT+BHK  | Năm 1990                      |                                  |                  |
|     |                                 | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị thu hồi nằm trong ranh giới qui hoạch trên thửa đất 92 - TĐĐ: 02 |           |         |           |          |                               |                                  |                  |
|     |                                 | Tường rào TR5                                                                                   |           |         |           |          |                               | BHK                              | Phục vụ đời sống |
|     |                                 | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng nằm ngoài ranh giới qui hoạch                          |           |         |           |          |                               |                                  |                  |

|   |                                                 |                                                                                                                   |   |     |        |         |                 |     |                     |
|---|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----|--------|---------|-----------------|-----|---------------------|
|   |                                                 | trên thửa đất 92 -<br>TBD: 02                                                                                     |   |     |        |         |                 |     |                     |
|   |                                                 | Tường rào TR5                                                                                                     |   |     |        |         |                 | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
| 2 | Ông Phan<br>Tấn Giới                            |                                                                                                                   | 2 | 106 | 836.3  | ONT+BHK | Năm 1989        |     |                     |
|   |                                                 | Phần nhà cửa, vật<br>kiến trúc bị thu hồi<br>nằm trong ranh giới<br>qui hoạch trên thửa<br>đất 106 - TBD: 02      |   |     |        |         |                 |     |                     |
|   |                                                 | Tường rào TR6                                                                                                     |   |     |        |         |                 | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                                 | Tường rào TR5                                                                                                     |   |     |        |         |                 | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                                 | Kết cấu bê tông đúc<br>sẵn (lắp ghép) cho<br>cầu kiện độc lập (có<br>cốt thép): Trụ BTCT                          |   |     |        |         |                 | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                                 | Phần nhà cửa, vật<br>kiến trúc bị ảnh<br>hưởng nằm ngoài<br>ranh giới qui hoạch<br>trên thửa đất 106 -<br>TBD: 02 |   |     |        |         |                 |     |                     |
|   |                                                 | Tường rào TR5                                                                                                     |   |     |        |         |                 | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
| 3 | Ông Lê Văn<br>Tiên và bà<br>Huỳnh Thị<br>Nguyệt |                                                                                                                   | 2 | 69  | 4227.2 | ONT     | Tháng<br>6/2024 |     |                     |
|   |                                                 | Phần nhà cửa, vật<br>kiến trúc bị thu hồi<br>nằm trong ranh giới<br>qui hoạch trên thửa<br>đất 69 - TBD: 02       |   |     |        |         |                 |     |                     |
|   |                                                 | Nhà N11 (Điện âm<br>tường)                                                                                        |   |     |        |         |                 | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                                 | Cộng chênh lệch<br>tường lãn sơn trực<br>tiếp (không bả) thay<br>cho tường quét vôi<br>màu nhà N11                |   |     |        |         |                 | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                                 | Cộng chênh lệch<br>đóng trần nhà N11                                                                              |   |     |        |         |                 | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                                 | Cộng chênh lệch nền<br>CRM/GHXM nhà<br>N11                                                                        |   |     |        |         |                 | ONT | Phục vụ<br>đời sống |

|   |                                     |                                                                                                   |   |     |        |         |          |     |                  |
|---|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----|--------|---------|----------|-----|------------------|
|   |                                     | Ốp gạch vào tường, trụ, cột, gạch Ceramic: Tường trong nhà                                        |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                     | Tường rào TR6                                                                                     |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                     | Tường rào TR5                                                                                     |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                     | Sân phơi bê tông, mặt láng xi măng                                                                |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                     | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng nằm ngoài ranh giới qui hoạch trên thửa đất 69 - TBD: 02 |   |     |        |         |          |     |                  |
|   |                                     | Tường rào TR5                                                                                     |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
| 4 | Ông Huỳnh Giáp và bà Nguyễn Thị Tạo |                                                                                                   | 2 | 56  | 1328.0 | ONT+BHK | Năm 1985 |     |                  |
|   |                                     | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị thu hồi nằm trong ranh giới qui hoạch trên thửa đất 56 - TBD: 02   |   |     |        |         |          |     |                  |
|   |                                     | Tường rào TR5                                                                                     |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
|   |                                     | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng nằm ngoài ranh giới qui hoạch trên thửa đất 56 - TBD: 02 |   |     |        |         |          |     |                  |
|   |                                     | Tường rào TR5                                                                                     |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
| 5 | Ông Đinh Văn Phận                   |                                                                                                   | 2 | 153 | 1297.9 | ONT+BHK | Năm 2000 |     |                  |
|   |                                     | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị thu hồi nằm trong ranh giới qui hoạch trên thửa đất 153 - TBD: 02  |   |     |        |         |          |     |                  |
|   |                                     | Sân phơi bê tông, mặt láng xi măng                                                                |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
|   |                                     | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh                                                                |   |     |        |         |          |     |                  |

|   |                                               |                                                                                                                   |   |     |       |         |          |     |                     |
|---|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----|-------|---------|----------|-----|---------------------|
|   |                                               | hướng nằm ngoài<br>ranh giới qui hoạch<br>trên thửa đất 153 -<br>TBD: 02                                          |   |     |       |         |          |     |                     |
|   |                                               | Sân phơi bê tông,<br>mặt láng xi măng                                                                             |   |     |       |         |          | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
| 6 | Bà Phạm<br>Thị Minh                           |                                                                                                                   | 2 | 394 | 275.0 | ONT+BHK | Năm 2003 |     |                     |
|   |                                               | Phần nhà cửa, vật<br>kiến trúc bị thu hồi<br>nằm trong ranh giới<br>qui hoạch trên thửa<br>đất 394 - TBD: 02      |   |     |       |         |          |     |                     |
|   |                                               | Tường rào TR5                                                                                                     |   |     |       |         |          | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                               | Phần nhà cửa, vật<br>kiến trúc bị ảnh<br>hưởng nằm ngoài<br>ranh giới qui hoạch<br>trên thửa đất 394 -<br>TBD: 02 |   |     |       |         |          |     |                     |
|   |                                               | Tường rào TR5                                                                                                     |   |     |       |         |          | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
| 7 | Ông Phạm<br>Ngọc Thức<br>và bà Võ<br>Thị Hồng |                                                                                                                   | 2 | 140 | 737.7 | ONT+BHK | Năm 2002 |     |                     |
|   |                                               | Phần nhà cửa, vật<br>kiến trúc bị thu hồi<br>nằm trong ranh giới<br>qui hoạch trên thửa<br>đất 140 - TBD số 02    |   |     |       |         |          |     |                     |
|   |                                               | Nhà N10: lán sơn<br>trực tiếp, điện nổi                                                                           |   |     |       |         |          | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                               | Cộng chênh lệch<br>hoàn thiện tường lán<br>sơn trực tiếp thay cho<br>tường quét vôi màu<br>nhà N10                |   |     |       |         |          | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                               | Trừ không có trần<br>nhà trong nhà N10                                                                            |   |     |       |         |          | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                               | Trừ không có khu vệ<br>sinh trong nhà N10                                                                         |   |     |       |         |          | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|   |                                               | Kết cấu bê tông đúc<br>sẵn (lắp ghép) cho<br>cầu kiện độc lập (có<br>cốt thép): đan bê<br>tông bép                |   |     |       |         |          | ONT | Phục vụ<br>đời sống |

|  |  |                                                                                                                                                     |  |  |  |  |  |     |                     |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|-----|---------------------|
|  |  | Lát nền, sàn bằng<br>gạch Ceramic: mặt<br>bếp                                                                                                       |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Kết cấu bê tông đổ<br>tại chỗ cho cấu kiện<br>độc lập (có cốt thép)<br>: sàn BTCT                                                                   |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Xây tường bằng gạch<br>rỗng có chiều dày<br>tường >10cm ÷<br>≤15cm, vữa xi măng:<br>tường chân bếp                                                  |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Ốp gạch vào tường,<br>trụ, cột, gạch<br>Ceramic: tường bếp                                                                                          |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Ốp gạch vào tường,<br>trụ, cột, gạch<br>Ceramic: phòng bếp,<br>phòng ngủ                                                                            |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Kết cấu xây gạch<br>hoàn chỉnh (có móng<br>đá): bậc tam cấp                                                                                         |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Lát nền, sàn bằng<br>gạch Ceramic: mặt<br>bậc tam cấp, mặt lan<br>can                                                                               |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Xây tường bằng gạch<br>rỗng có chiều dày<br>tường >15cm : lan<br>can                                                                                |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Ốp gạch vào chân<br>tường, viền tường,<br>viền trụ, cột gạch<br>Ceramic                                                                             |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Nhà VS3: Nhà vệ<br>sinh (có hoặc không<br>có nhà tắm), tường<br>gạch, mái ngói (hoặc<br>tôn), bể tự hoại,<br>tường ốp gạch men,<br>nền gạch ceramic |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Nhà NK3                                                                                                                                             |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Cộng chênh lệch nền<br>BTXM/ nền đất nhà<br>NK3                                                                                                     |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |

|  |  |                                                                                                                       |  |  |  |  |  |     |                     |
|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|-----|---------------------|
|  |  | Nhà mái hiên MH:<br>mái hiên trước và<br>bên hông nhà                                                                 |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Cộng chênh lệch nền<br>BTXM/ nền đất nhà<br>mái hiên MH                                                               |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Trang thờ loại xây<br>gạch đá đơn giản                                                                                |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Nhà mái hiên MH                                                                                                       |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Cộng chênh lệch nền<br>BTXM/ nền đất nhà<br>mái hiên MH                                                               |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | CT1: Chuồng trâu,<br>bò khung gỗ, nền đất<br>có xây viền đá (hoặc<br>gạch) xung quanh,<br>mái lợp ngói (hoặc<br>tôn). |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Cộng chênh lệch nền<br>BTXM/ nền xi măng<br>chuồng CT1                                                                |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Nhà mái hiên MH:<br>mái hiên chung khu<br>với chuồng bò                                                               |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Cộng chênh lệch nền<br>BTXM/ nền đất nhà<br>mái hiên MH                                                               |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | TC1: Trụ cổng<br>móng, cột BTCT,<br>xây ốp gạch trát vữa<br>quét vôi                                                  |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Ốp gạch vào tường,<br>trụ, cột, gạch<br>Ceramic: trụ cổng                                                             |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Cánh cổng sắt hộp                                                                                                     |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Tường rào TR5:<br>đoạn A'-B, A-C',E-<br>E', F-G                                                                       |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Tường rào TR3:<br>đoạn A-A'                                                                                           |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Sân phơi bê tông mặt<br>láng xi măng                                                                                  |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |
|  |  | Giếng đóng bằng ống<br>PVC Ø60, không có<br>máy bơm điện, đầu<br>bơm tay, nền giếng.                                  |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ<br>đời sống |

|   |                                    |                                                                                                        |   |     |        |         |          |     |                  |
|---|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-----|--------|---------|----------|-----|------------------|
|   |                                    | Có mô tơ điện được cộng thêm ( chỉ tính hao hụt)                                                       |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng nằm ngoài ranh giới qui hoạch trên thửa 140 - TBĐ số 02       |   |     |        |         |          |     |                  |
|   |                                    | CT1: Chuồng trâu, bò khung gỗ, nền đất có xây viền đá (hoặc gạch) xung quanh, mái lợp ngói (hoặc tôn). |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Cộng chênh lệch nền BTXM/ nền xi măng chuồng CT1                                                       |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Nhà mái hiên MH: mái hiên chung khu với chuồng bò                                                      |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Cộng chênh lệch nền BTXM/ nền đất nhà mái hiên MH                                                      |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Tường rào TR5: đoạn C-C', C-D, D-E                                                                     |   |     |        |         |          | BHK | Phục vụ đời sống |
| 8 | Ông Phạm Ngọc Tâm và bà Chế Thị Hà |                                                                                                        | 2 | 116 | 1547.7 | ONT+BHK | Năm 2003 |     |                  |
|   |                                    | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị thu hồi nằm trong ranh giới qui hoạch trên thửa 116 - TBĐ số 02         |   |     |        |         |          |     |                  |
|   |                                    | Nhà N10: lán sơn trực tiếp, điện nội                                                                   |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Cộng chênh lệch hoàn thiện tường lán sơn trực tiếp thay cho tường quét vôi màu nhà N10                 |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Trừ không có khu vệ sinh trong nhà N10                                                                 |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |
|   |                                    | Nhà NK3                                                                                                |   |     |        |         |          | ONT | Phục vụ đời sống |

|  |  |                                                                                                  |  |  |  |  |  |     |                  |
|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|-----|------------------|
|  |  | Cộng chênh lệch nền BTXM/ nền đất nhà NK3                                                        |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Nhà mái hiên MH                                                                                  |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Cộng chênh lệch nền BTXM/ nền đất nhà mái hiên MH                                                |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Xây tường bằng gạch rỗng có chiều dày tường >15cm :<br>Tường xây gạch                            |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Tường rào TR6                                                                                    |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Sân phơi bê tông mặt láng xi măng                                                                |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ đời sống |
|  |  | Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (không cốt thép):<br>Đường BTXM          |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ đời sống |
|  |  | Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (có cốt thép): Trụ BTCT                  |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ đời sống |
|  |  | Giếng khoan ống PVC Ø140, sâu 53md (hộ dân tự kê khai)                                           |  |  |  |  |  | BHK | Phục vụ đời sống |
|  |  | Phần nhà cửa, vật kiến trúc bị ảnh hưởng nằm ngoài ranh giới qui hoạch trên thửa 116 - TĐĐ số 02 |  |  |  |  |  |     |                  |
|  |  | Nhà N10: lắn sơn trực tiếp, điện nổi                                                             |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Cộng chênh lệch hoàn thiện tường lắn sơn trực tiếp thay cho tường quét vôi màu nhà N10           |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Trừ không có khu vệ sinh trong nhà N10                                                           |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |
|  |  | Kết cấu bê tông đổ tại chỗ cho cầu kiện độc lập (có cốt thép) : Đạn BTCT                         |  |  |  |  |  | ONT | Phục vụ đời sống |



|   |                                    |                                                                                       |   |     |        |     |  |     |                     |
|---|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---|-----|--------|-----|--|-----|---------------------|
|   |                                    | Nhà NK3                                                                               |   |     |        |     |  | ONT | Phục vụ đời sống    |
|   |                                    | Cộng chênh lệch nền BTXM/ nền đất nhà NK3                                             |   |     |        |     |  | ONT | Phục vụ đời sống    |
|   |                                    | Bể nước xây gạch                                                                      |   |     |        |     |  | ONT | Phục vụ đời sống    |
|   |                                    | Nhà mái hiên MH                                                                       |   |     |        |     |  | BHK | Phục vụ đời sống    |
|   |                                    | Cộng chênh lệch nền BTXM/ nền đất nhà mái hiên MH                                     |   |     |        |     |  | BHK | Phục vụ đời sống    |
|   |                                    | Xây tường bằng gạch rỗng có chiều dày tường >15cm :<br>Tường xây gạch                 |   |     |        |     |  | BHK | Phục vụ đời sống    |
|   |                                    | Tường rào TR6                                                                         |   |     |        |     |  | BHK | Phục vụ đời sống    |
|   |                                    | Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (không cốt thép): Đường BTXM  |   |     |        |     |  | BHK | Phục vụ đời sống    |
| 9 | Ông Trần Chí Tâm (thân nhân mồ mả) |                                                                                       | 3 | 232 | 7991.9 | NTD |  |     |                     |
|   |                                    | Mộ xây (M07-01): Móng xây đá chẻ; thân nhà mộ xây gạch, trát vữa và quét vôi toàn bộ. |   |     |        |     |  | NTD | Mai táng trên 3 năm |
|   |                                    |                                                                                       |   |     |        |     |  |     |                     |

Ủy ban nhân dân xã Hành Dũng phúc đáp nội dung trên cho Trung tâm PTQĐ tỉnh Quảng Ngãi biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT/PCT UBND xã;
- Lưu VT, UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tin**